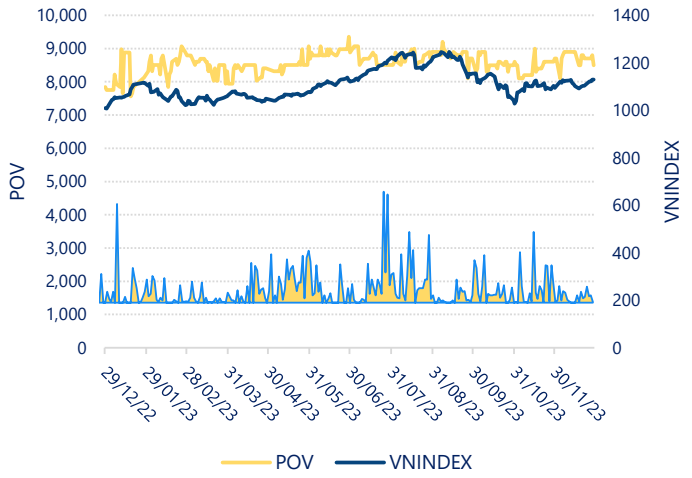
CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng (UPCOM: POV)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

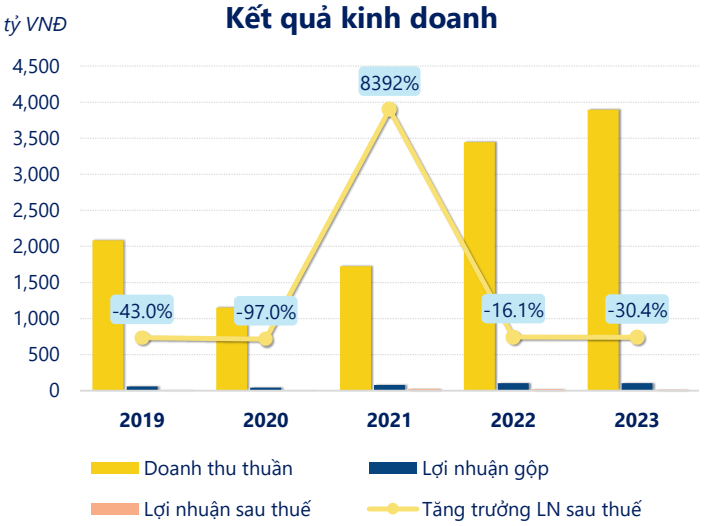
Ngày 29/12/2023	8,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	4.9%	-3.4%	-6.3%

Lịch sử giá



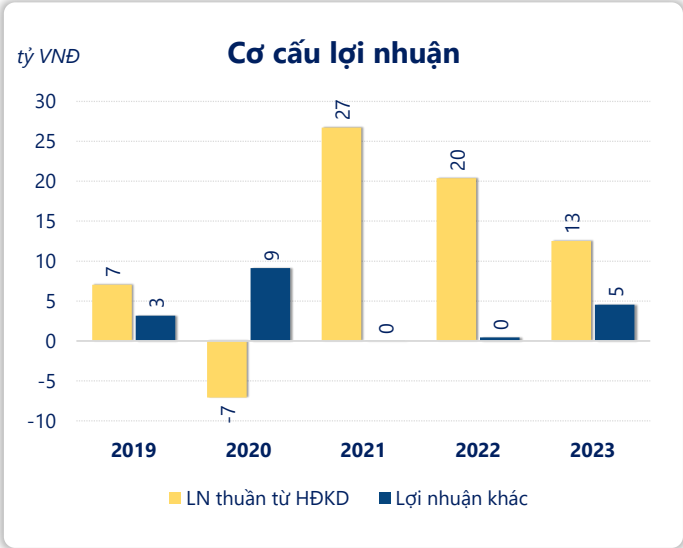
	2023	YoY
DT thuần	3,894 tỷ VNĐ	▲ 451 ▲ 13.1%
LN gộp	105 tỷ VNĐ	▲ 3.00 ▲ 3.5%
LN thuần	12.5 tỷ VNĐ	▼ 7.90 ▼ 38.6%
LN sau thuế	14.1 tỷ VNĐ	▼ 6.20 ▼ 30.4%
ROE	7.8%	+/- YoY ▼ 3.4%
ROA	3.9%	+/- YoY ▼ 1.9%

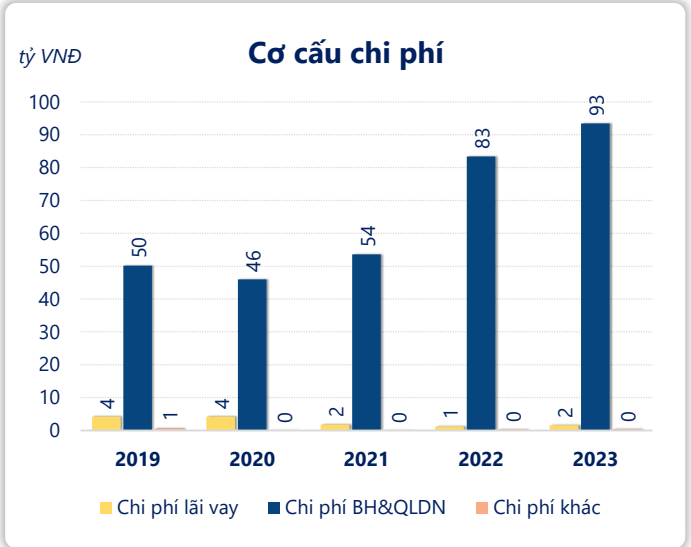
Kết quả kinh doanh



Kết quả kinh doanh **POV** năm **2023**, doanh thu thuần **tăng mạnh 13.1%** đạt **3,894** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **giảm mạnh 30.4%** chỉ còn **14.15** tỷ đồng.

Kết quả kinh doanh chưa được cải thiện, với sự sụt giảm của lợi nhuận sau thuế. Với **ROE** bằng **7.84%** cho thấy công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động và quản lý tài chính hiệu quả.

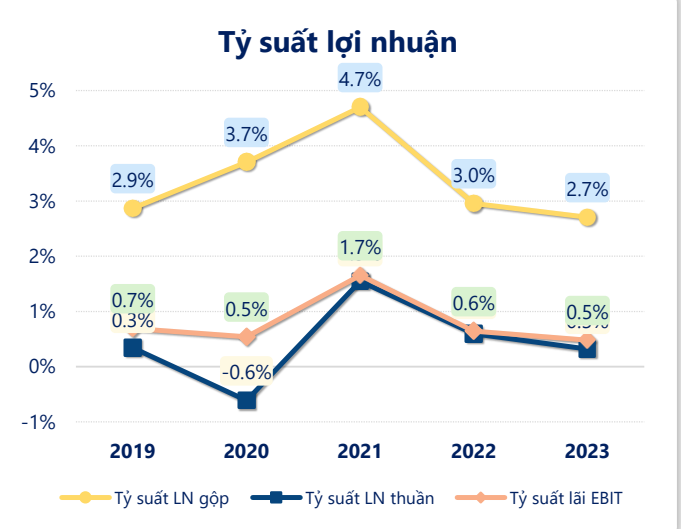


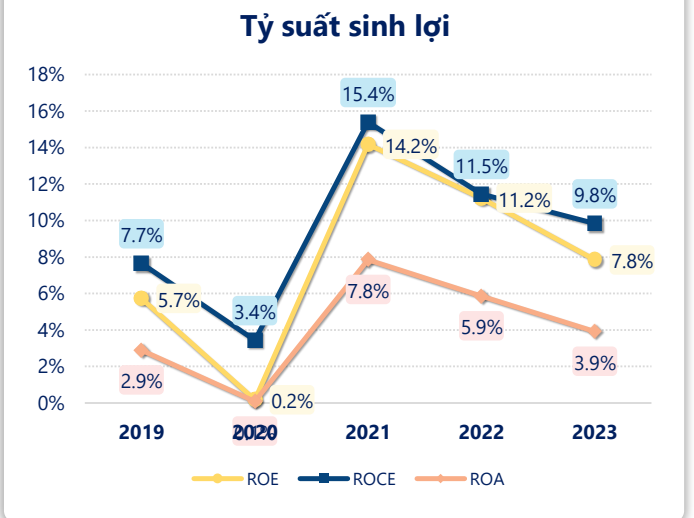


Năm **2023**, **POV** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **12.51** tỷ đồng, **giảm đi 7.87** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (11.92 tỷ đồng) là 0.60 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

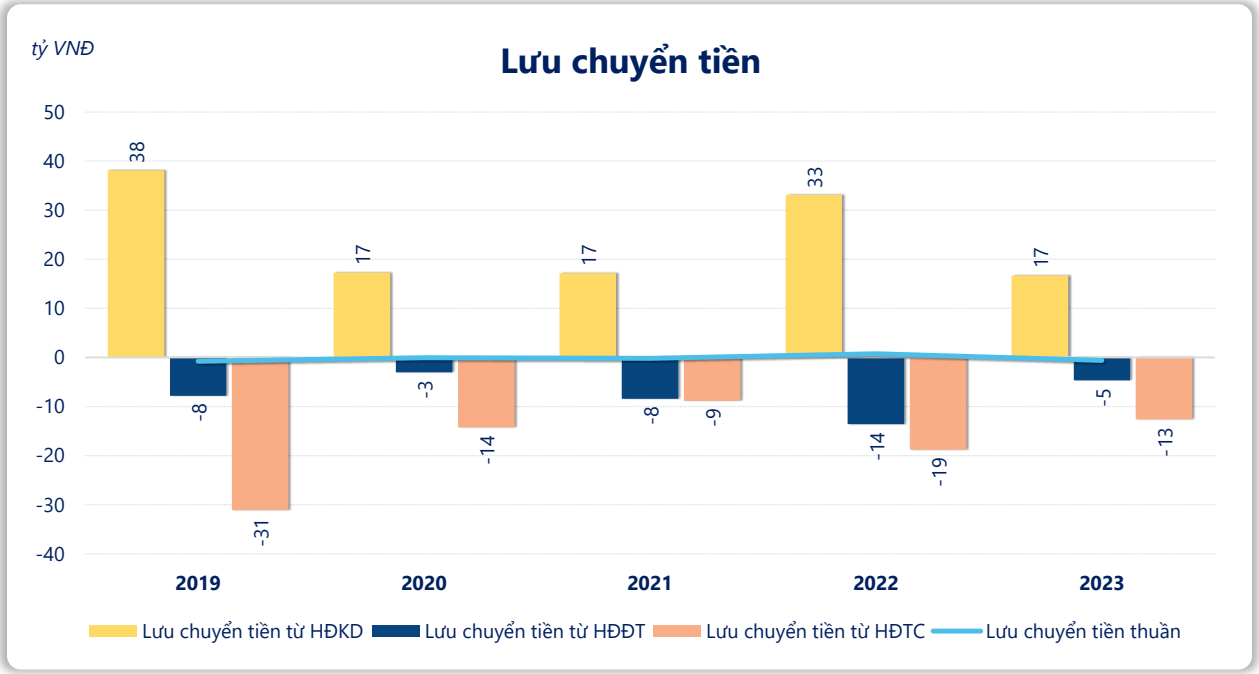
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **1.59** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **93.40** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.42** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của POV năm 2023 **giảm** so với năm trước còn **7.84%**, tuy nhiên vẫn **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	**2,083**	**1,153**	**1,727**	**3,443**	**3,894**
Giá vốn hàng bán	2,023	1,110	1,646	3,342	3,788
Lợi nhuận gộp	**59.7**	**42.7**	**81.1**	**102**	**105**
Doanh thu HĐTC	1.68	0.50	1.00	3.15	2.17
Chi phí TC	4.21	4.31	1.82	1.19	1.59
Chi phí lãi vay	**4.21**	**4.18**	**1.82**	**1.19**	**1.59**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	44.9	40.9	47.6	71.7	81.4
Chi phí QLDN	5.23	5.07	6.04	11.6	12.0
LN thuần từ HĐKD	**7.06**	**-7.07**	**26.7**	**20.4**	**12.5**
Lợi nhuận khác	3.18	9.14	0.01	0.46	4.56
LN trước thuế	**10.2**	**2.07**	**26.7**	**20.8**	**17.1**
Lợi nhuận sau thuế	**9.52**	**0.29**	**24.2**	**20.3**	**14.1**
LNST của CĐ cty mẹ	**9.52**	**0.29**	**24.2**	**20.3**	**14.1**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2023 của POV bằng **-0.61** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2022 (0.75 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **16.67** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-4.69** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-12.60** tỷ đồng.